

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HS-PT
Ngày: 26-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Ông Trần Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo Hồ Thị Thu N, Bùi Thị Thu H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Thị Thu N - sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nhân viên không chuyên trách cấp xã; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hồ Đức T (chết) và bà Lê Thị C; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Hồ Thị Thu N: Ông Thới Mạnh C - Luật sư Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Thu H- sinh năm 1979 tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị C; chồng Võ Văn H và 02

con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Thị Thu N được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B phê chuẩn chức danh Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ hoạt động không chuyên trách ở UBND xã B theo quyết định số 1593/QĐ – UBND ngày 29/7/2014. Trong thời gian từ năm 2014 đến 2017, do công tác quản lý thu chi ngân sách của xã B có nhiều sơ hở nên Hồ Thị Thu N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền từ ngân sách của UBND xã B để phục vụ cho nhu cầu cá nhân và gia đình. Do trực tiếp nắm giữ chìa khóa kết sắt chứa tiền mặt của UBND xã B nên Hồ Thị Thu N đã chiếm đoạt số tiền trong kết sắt bằng nhiều hình thức khác nhau với số tiền 377.403.180 đồng. Trong đó, Hồ Thị Thu N chiếm đoạt tiền từ những chứng từ đã lập phiếu chi nhưng không chi cho các đơn vị, cá nhân được thụ hưởng là 86.467.000 đồng và trực tiếp chiếm đoạt tiền mặt không có chứng từ là 290.936.180 đồng.

Do Hồ Thị Thu N chiếm đoạt số tiền 377.403.180 đồng trong ngân sách của UBND xã B dẫn đến việc chi ngân sách bị chậm trễ gây bức xúc cho những cá nhân và các đơn vị được thụ hưởng. Do đó, đầu năm 2017 một số cán bộ của UBND xã B đã có báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân xã B và Chủ tịch UBND xã B về việc chưa nhận được tiền từ ngân sách. Chủ tịch UBND xã B đã tiến hành kiểm tra việc thu chi ngân sách tại UBND xã B và kiểm tra sổ tiền quỹ hiện có của đơn vị đã phát hiện số tiền tồn quỹ của đơn vị bị thất thoát nên đề xuất thanh tra quá trình quản lý thu chi tài chính tại UBND xã B. Ngày 09/5/2017, Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định số 791/QĐ – UBND về thanh tra đột xuất tại UBND xã B, với nội dung thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi tài chính – ngân sách xã từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016. Qua quá trình thanh tra, xác định Hồ Thị Thu N đã chiếm dụng quỹ tiền mặt của ngân sách xã B sử dụng vào mục đích cá nhân nên đã kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xử lý hình sự đối với Hồ Thị Thu N và các cá nhân có liên quan là Bùi Thị Thu H– kế toán UBND xã B, Bùi Văn H– Chủ tịch UBND xã B – chủ tài khoản.

Đối với Bùi Văn H, sinh năm 1964, ở thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã B từ tháng 6/2011 đến tháng 6/2018 theo Quyết định số 2188/QĐ/UBND ngày 30/6/2011 và quyết định số 1434/QĐ/UBND ngày 01/7/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B về việc phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch UBND xã B nhiệm kỳ 2011 – 2016 và 2016 – 2021. Trong giai đoạn 2014 đến năm 2017, với chức danh Chủ tịch – chủ tài khoản, Bùi Văn H đã buông lỏng trong công tác quản lý tài chính và không làm hết trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, thiếu kiểm tra giám sát trong việc quản lý thu chi ngân sách của UBND xã B, chỉ kiểm tra qua sổ

quản lý thu chi chứ không kiểm tra trực tiếp kết sất của thủ quỹ nên không nắm được số tiền tồn quỹ trên thực tế, tạo cơ hội và điều kiện cho Hồ Thị Thu N chiếm đoạt số tiền 377.403.180 đồng.

Đối với Bùi Thị Thu H là cán bộ phụ trách tài chính kế toán xã B từ tháng 01/1999 đến tháng 02/2017 theo Quyết định số 3532 /QĐ/UBND ngày 21/12/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B. Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Bùi Thị Thu H đã buông lỏng trong công tác quản lý tài chính, không thực hiện kiểm tra tiền mặt trong kết sất của UBND xã B theo quy định, thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý thu, chi dẫn đến việc chi tiền mặt không đảm bảo đúng tiến độ và chế độ nên tạo điều kiện cho Hồ Thị Thu N chiếm đoạt 377.403.180 đồng trong thời gian dài nhưng không phát hiện ra. Đến tháng 3/2017, khi chuẩn bị bàn giao công tác kế toán để chuyển công tác đến UBND xã B1 thì Bùi Thị Thu H mới báo cáo sai phạm của Hồ Thị Thu N cho chủ tài khoản biết.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 18/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị Thu N phạm tội “*Tham ô tài sản*”; bị cáo Bùi Thị Thu H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị Thu N 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/5/2019.

Áp dụng: Điểm d khoản 1 Điều 360; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thu H 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/5/2019.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Bùi Văn H 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Ngoài ra, còn tuyên về phần bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/5/2019, bị cáo Hồ Thị Thu N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Bùi Thị Thu H kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Hồ Thị Thu N về tội “*Tham ô tài sản*” và bị cáo Bùi Thị Thu H về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm*”

trọng” quy định tại khoản 2 Điều 353 và khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Thị Thu N: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ hậu quả; gia đình bị cáo công với cách mạng có cha được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, ông nội là liệt sỹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu N 04 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Thu H: Là cán bộ phụ trách tài chính kế toán xã B nhưng đã buông lỏng trong công tác quản lý tài chính, không thực hiện kiểm tra, không thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật kế toán. Bị cáo không tham mưu, đề xuất cho chủ tài khoản về công tác kiểm tra quỹ theo quy định dẫn đến hành vi của Hồ Thị Thu N lợi dụng sự thiếu kiểm tra, giám sát chiếm đoạt tiền của Nhà nước trong nhiều năm, gây thất thoát tài sản của Nhà nước. Tuy nhiên, khi phát hiện thủ quỹ làm thiếu hụt quỹ bị cáo đã báo cáo với Chủ tịch UBND xã B, đồng thời tích cực phối hợp, trợ giúp cho Đoàn Thanh tra và Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; theo Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của TAND tối cao về việc *“thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử”* thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự *“Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”* nhưng tình tiết giảm nhẹ TNHS này cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo; hiện nay bị cáo đang bị bệnh tim, trong quá trình tạm giam Cơ quan điều tra đã 02 lần đưa bị cáo đi chữa trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã hỗ trợ cho bị cáo Hồ Thị Thu N 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo có cha, mẹ là thương binh. Do đó, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 01 năm tù là quá nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Thu H.

* Luật sư Thới Mạnh C phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Thu N: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hồ Thị Thu N về tội *“Tham ô tài sản”* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là cán bộ không chuyên trách cấp xã và không có chuyên môn nghiệp vụ thủ quỹ, trình độ lớp 12/12 nên các chứng từ đều do kế toán lập và hoàn thiện chứng từ chứ bị cáo không biết; chủ tài khoản cũng không kiểm tra, giám sát việc thu chi của Cơ quan theo quy định; có nhiều trường hợp ứng tiền trước để chi cho cơ quan nhưng chưa hoàn thiện chứng từ nhưng khi thanh

tra không có chứng cứ gì để chứng minh nên bị cáo đã nhận hết, chứ số tiền bị cáo chiếm đoạt không đến 377.403.180 đồng, mục đích bị cáo là mượn tiền của cơ quan để chữa bệnh cho cha và nhận thức là ai cũng mượn được nên mình cũng có thể mượn vì bị cáo không có chuyên môn nghiệp vụ; nên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhẹ hơn nhiều so với khung hình phạt mà điều luật quy định và mức hình phạt Tòa án sơ thẩm đã tuyên; đồng thời, bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả khi thanh tra; gia đình bị cáo có công với cách mạng và hiện nay đang thờ phụng 03 liệt sĩ; mẹ bị cáo bị bệnh tim không có khả năng lao động được; chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thị Thu N, giữ nguyên khung hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo nhưng xét xử bị cáo với mức hình phạt là 02 năm tù, một phần thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và tạo điều kiện để bị cáo sớm được hòa nhập lại với cộng đồng để phụng dưỡng mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Hồ Thị Thu N, Bùi Thị Thu H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định từ năm 2014 đến năm 2017, Bùi Văn H với chức danh Chủ tịch của UBND xã B - chủ tài khoản đã buông lỏng trong công tác quản lý tài chính và không làm hết trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, thiếu kiểm tra giám sát trong việc quản lý thu chi ngân sách; Bùi Thị Thu H - cán bộ phụ trách tài chính kế toán xã B đã buông lỏng trong công tác quản lý tài chính, không thực hiện kiểm tra quỹ tiền mặt của UBND xã B theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành “*quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước*”, thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý thu, chi ngân sách. Do đó, Hồ Thị Thu N - thủ quỹ, văn thư lưu trữ hoạt động không chuyên trách tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi lợi dụng sự buông lỏng quản lý của Chủ tịch và kế toán UBND xã B, huyện B đã chiếm đoạt tiền từ những chứng từ đã lập phiếu chi nhưng không chi cho các đơn vị, cá nhân được thụ hưởng là 86.467.000 đồng và trực tiếp chiếm đoạt tiền mặt không có chứng từ là 290.936.180 đồng, tổng số tiền Hồ Thị Thu N chiếm đoạt của UBND xã B, huyện B là 377.403.180 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Hồ Thị Thu N về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự; xét xử Bùi Văn H và Bùi Thị Thu H về tội

“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước và ảnh hưởng hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Nhà nước, gây dư luận xấu trong đời sống xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cân nhắc về nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu N 04 (bốn) năm tù về tội *“Tham ô tài sản”*, bị cáo Bùi Thị Thu H 01 (một) năm tù về tội *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”* là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Hồ Thị Thu N, Bùi Thị Thu H không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để làm căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Thị Thu N, Bùi Thị Thu H giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Đề nghị của Luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HS-ST ngày 18/5/2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị Thu N 04 (bốn) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/5/2019.

- Áp dụng: Điểm d khoản 1 Điều 360; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Thu H 01 (một) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/5/2019.

2. Bị cáo Hồ Thị Thu N và bị cáo Bùi Thị Thu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- THA dân sự huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Bé